TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/3/2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Văn Hiến** và ông **Lê Văn Vững**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Hồ Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong các ngày 14 tháng 02 và ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 433/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông **Hà Phước L**, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H có mặt, ông L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà và ông L tự tìm hiểu sống chung với nhau vào năm 1989, không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, bà và ông L chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu, về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông L thường xuyên tụ tập nhậu với bạn bè, khi về nhà thì kiếm chuyện lớn tiếng với bà, vì nghĩ đến các con nên bà cố gắng chịu đựng mấy mươi năm nay nhưng ông L không thay đổi mà ngày càng nhậu nhiều hơn và về chửi mắng bà, dẫn đến thường xuyên xảy ra cải vả làm cho không khí

gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 03/2022 (Âm lịch) đến nay. Nay, nhận thấy hạnh phúc hôn nhân không còn níu kéo được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

- **Về quan hệ nuôi con**: Vợ chồng có hai con chung tên Hà Phước L, sinh năm 1990 và Hà Văn T, sinh năm 1992. Hiện các con chung đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Bà cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ bà và ông L thì bà xin chịu trách nhiệm cùng với ông L. Ngoài ra, bà không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải bị đơn ông Hà Phước L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà H tự tìm hiểu sống chung với nhau vào năm 1989, không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng thì ông không thống nhất theo trình bày của Bà H. Do trước đây làm ăn thua lỗ thiếu nợ nên ông đã chuyển nhượng phần đất nền nhà của vợ chồng cho đứa con lớn tên Lộc đứng tên và Lộc đã bán phần đất này để trả nợ cho chủ nợ xong. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà H, vì ông còn thương Bà H. Đồng thời, tính đến nay thì ông chưa có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- **Về quan hệ nuôi con**: Vợ chồng có hai con chung tên Hà Phước L, sinh năm 1990 và Hà Văn T, sinh năm 1992. Hiện các con chung đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Ông cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ ông và Bà H thì ông xin chịu trách nhiệm cùng với Bà H. Ngoài ra, ông không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Căn cước công dân (Bản photo);
+ Giấy khai sinh con chung (Bản photo).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 26 tháng 12 năm 2022.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Về quan hệ nuôi con, về quan hệ tài sản và về quan hệ nợ.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Về quan hệ hôn nhân do không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Bà H về việc yêu cầu được ly hôn với ông L. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy:

Theo Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân là ông Trần Văn T và bà Hồ Thị T. Tuy nhiên, tại phiên tòa do ông T và bà T bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Đào Văn H và ông Lê Văn V là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không có khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L do tự tìm hiểu sống chung với nhau vào năm 1989, không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn, mặc dù đã sống chung với nhau như vợ chồng nhưng Bà H và ông L đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng* ..." và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này* ...". Đồng thời, do Bà H và ông L không đăng ký kết hôn, nay Bà H xin ly hôn với ông L nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không công nhận Bà H và ông L là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống Bà H và ông L có hai con chung tên Hà Phước L, sinh năm 1990 và Hà Văn T, sinh năm 1992. Xét thấy, đối với hai con chung đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được. Đồng thời, Bà H và ông L thống nhất trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Bà H và ông L thống nhất trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Bà H và ông L thống nhất trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc bên thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Về án phí: Bà H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Hà Phước L là vợ chồng.

2. Về quan hệ nuôi con: Đối với hai con chung tên Hà Phước L, sinh năm 1990 và Hà Văn T, sinh năm 1992 đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai số 0008473, ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đào Văn Hiến – Lê Văn Vững	**Nguyễn Minh Phường**